

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022  
(đã được soát xét)



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06-31
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11-31
Phụ lục 01: Thông tin về các khoản vay ngắn hạn	32-33
Phụ lục 02: Thông tin về các khoản vay dài hạn	34

TRAC  
HAI  
HO

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4600451322 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 29 tháng 08 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 24 tháng 08 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Danh Sơn	Chủ tịch
Ông Trần Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Lợi	Thành viên     Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2022

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Lợi	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đỗ Thùy Hường	Trưởng ban
Ông Nguyễn Xuân Lâm	Thành viên
Bà Trần Nguyệt Anh	Thành viên

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Trần Tuấn**  
Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 09 tháng 08 năm 2022

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung được lập ngày 09 tháng 08 năm 2022, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thời điểm 30/06/2022, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn 363,46 tỷ đồng, lỗ lũy kế 217,86 tỷ đồng tương ứng 42,89% vốn góp của chủ sở hữu. Sự kiện này cùng với các vấn đề được nêu ở thuyết minh số 01 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục do các nguyên nhân được Công ty trình bày tại thuyết minh số 01, cụ thể:

1. Công ty hiện đang có khách hàng truyền thống mua hàng với khối lượng lớn là Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên. Đây cũng là bên cung cấp nguyên liệu chính cho Công ty với thời gian thanh toán phù hợp để giảm áp lực về nhu cầu vốn lưu động mua nguyên vật liệu.

2. Việc được hỗ trợ nguồn đầu vào và bao tiêu nguồn đầu ra kể trên đã làm cho kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty những năm gần đây đều có lãi, khoản lỗ lũy kế đã giảm từ 218,93 tỷ tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 xuống còn 217,86 tỷ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi kết luận kiểm toán chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Vũ Xuân Biên**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>134.591.577.313</b>	<b>508.444.378.319</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	3.369.619.862	3.595.815.784
111	1. Tiền		3.369.619.862	3.595.815.784
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		94.444.339.446	422.538.191.100
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	91.596.119.625	419.571.660.638
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	2.670.229.280	2.885.324.800
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	352.271.494	255.486.615
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(174.280.953)	(174.280.953)
140	IV. Hàng tồn kho	8	34.049.497.944	75.796.447.590
141	1. Hàng tồn kho		34.049.497.944	75.796.447.590
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.728.120.061	6.513.923.845
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	2.728.120.061	3.770.515.626
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	2.743.408.219
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>816.830.553.236</b>	<b>845.866.343.080</b>
220	II. Tài sản cố định		791.068.180.842	819.472.896.876
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	791.035.528.242	819.427.183.238
222	- Nguyên giá		1.258.463.491.923	1.258.463.491.923
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(467.427.963.681)	(439.036.308.685)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	32.652.600	45.713.638
228	- Nguyên giá		246.000.000	246.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(213.347.400)	(200.286.362)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		25.762.372.394	26.393.446.204
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	25.762.372.394	26.393.446.204
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>951.422.130.549</b>	<b>1.354.310.721.399</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>661.279.671.583</b>	<b>1.065.237.569.706</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>498.056.384.526</b>	<b>867.014.282.649</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	168.052.087.820	554.792.020.083
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	3.644.126.691	1.625.087.770
314	3. Phải trả người lao động		7.492.410.350	8.392.661.826
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	468.198.302	534.273.161
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	15	3.190.831.532	3.128.004.680
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	312.750.849.831	298.542.235.129
321	7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	17	2.440.000.000	-
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		17.880.000	-
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>163.223.287.057</b>	<b>198.223.287.057</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16	163.223.287.057	198.223.287.057
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>290.142.458.966</b>	<b>289.073.151.693</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>290.142.458.966</b>	<b>289.073.151.693</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		508.000.001.467	508.000.001.467
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		508.000.001.467	508.000.001.467
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(217.857.542.501)	(218.926.849.774)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(218.926.849.774)	(227.835.798.620)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		1.069.307.273	8.908.948.846
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>951.422.130.549</b>	<b>1.354.310.721.399</b>

*[Handwritten signature]*

Nguyễn Thị Huệ  
Người lập

*[Handwritten signature]*

Nguyễn Thị Minh Châu  
Kế toán trưởng



Trần Tuấn  
Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 09 tháng 08 năm 2022



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

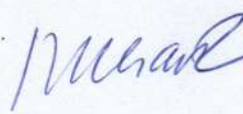
Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2022	2021 (đã điều chỉnh)
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	3.143.355.382.963	3.137.083.238.450
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.143.355.382.963	3.137.083.238.450
11	4. Giá vốn hàng bán	21	3.114.618.442.491	3.097.379.427.844
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		28.736.940.472	39.703.810.606
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	2.930.486	2.744.681
22	7. Chi phí tài chính	23	19.954.287.192	25.000.259.566
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		19.898.593.528	24.909.857.209
25	8. Chi phí bán hàng	24	129.023.672	97.719.332
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.648.395.208	6.116.099.137
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.008.164.886	8.492.477.252
31	11. Thu nhập khác	26	543.476.790	148.594.231
32	12. Chi phí khác	27	-	61.169.297
40	13. Lợi nhuận khác		543.476.790	87.424.934
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.551.641.676	8.579.902.186
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	1.482.334.403	2.759.969.003
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>1.069.307.273</u>	<u>5.819.933.183</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	21	115


Nguyễn Thị Huệ  
Người lập

Nguyễn Thị Minh Châu  
Kế toán trưởngTrần Tuấn  
Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 09 tháng 08 năm 2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2022	2021
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		2.551.641.676	8.579.902.186
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		28.404.716.034	32.523.991.455
03	- Các khoản dự phòng		2.440.000.000	1.542.960.000
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.930.486)	(2.744.681)
06	- Chi phí lãi vay		19.898.593.528	24.909.857.209
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		53.292.020.752	67.553.966.169
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		330.837.259.873	(39.952.362.400)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		41.746.949.646	(728.892.215)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(385.410.787.612)	61.232.769.856
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.673.469.375	2.406.451.099
14	- Tiền lãi vay đã trả		(19.970.445.374)	(26.064.929.832)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.624.087.770)	(320.000.000)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		17.880.000	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		20.562.258.890	64.127.002.677
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(41.600.000)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.930.486	2.744.681
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		2.930.486	(38.855.319)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		358.480.589.554	281.379.431.097
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(379.271.974.852)	(345.497.598.448)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(20.791.385.298)	(64.118.167.351)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2022	2021
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(226.195.922)	(30.019.993)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		3.595.815.784	2.037.917.025
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>3.369.619.862</u>	<u>2.007.897.032</u>

Nguyễn Thị Huệ  
Người lậpNguyễn Thị Minh Châu  
Kế toán trưởng  
Trần Tuấn  
Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 09 tháng 08 năm 2022

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4600451322 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 29 tháng 08 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 24 tháng 08 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 508.000.001.467 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 508.000.001.467 đồng; tương đương 50.800.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là: 270 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là: 274 người).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất sắt, thép.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Tại thời điểm 30/06/2022, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn 363,46 tỷ đồng, lỗ lũy kế 217,86 tỷ đồng. Tuy nhiên, Công ty hiện đang có khách hàng truyền thống mùa hàng với khối lượng lớn là Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên. Đây cũng là bên cung cấp nguyên liệu chính cho Công ty với thời gian thanh toán phù hợp để giảm áp lực về nhu cầu vốn lưu động mua nguyên vật liệu. Việc được hỗ trợ nguồn đầu vào và bao tiêu nguồn đầu ra như trên đã làm cho kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty những năm gần đây đều có lãi, khoản lỗ lũy kế đã giảm từ 218,93 tỷ đồng tại ngày 01/01/2022 xuống còn 217,86 tỷ đồng tại ngày 30/06/2022. Chính vì vậy, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là hoàn toàn phù hợp.

Trong 06 tháng đầu năm 2022, giá nhập các yếu tố đầu vào phục vụ sản xuất của Công ty như phôi thép, nhiên liệu... tăng mạnh. Tuy giá bán thành phẩm của Công ty có điều chỉnh tăng nhưng việc điều chỉnh tăng sẽ không tương ứng với tốc độ tăng giá các yếu tố đầu vào, bên cạnh đó, sản lượng tiêu thụ thép trong quý II năm 2022 giảm... Chính vì vậy, lãi gộp giai đoạn 06 tháng năm 2022 giảm mạnh so với cùng kỳ làm cho lợi nhuận giảm tương ứng.

## **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### **2.3 . Công cụ tài chính**

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **2.4 . Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

### **2.5 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.7 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Đối với máy móc thiết bị trực tiếp liên quan đến sản xuất sản phẩm: Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm kể từ ngày 01/01/2015 căn cứ vào công văn số 19139/BTC-TCDN ngày 23 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính về phương pháp khấu hao của Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05	năm

## 2.8 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## 2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 tháng đến 36 tháng.

Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

#### **2.10 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

#### **2.11 . Các khoản vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

#### **2.12 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### **2.13 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

#### **2.14 . Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

## **2.15 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

## **2.16 . Doanh thu**

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## **2.17 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

### 2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí đi vay vốn, lãi chậm thanh toán ... Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### 2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

#### a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

#### b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

### 2.20 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

### 2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 2.22 . Thông tin bộ phận

Trong năm, Công ty chỉ hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh thép, diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tiền mặt	88.649.350	81.720.277
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.280.970.512	3.514.095.507
	<u>3.369.619.862</u>	<u>3.595.815.784</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>				
Công ty CP Gang thép Thái Nguyên	91.421.838.672	-	419.397.379.685	-
Phải thu khách hàng khác	174.280.953	(174.280.953)	174.280.953	(174.280.953)
	<b>91.596.119.625</b>	<b>(174.280.953)</b>	<b>419.571.660.638</b>	<b>(174.280.953)</b>
<b>b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>				
	<b>91.421.838.672</b>	<b>-</b>	<b>419.397.379.685</b>	<b>-</b>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)

**5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Trả trước cho người bán chi tiết theo đối tượng</b>				
Công ty TNHH Glory Thành Đô	1.737.824.000	-	2.249.000.000	-
Công ty TNHH Cơ khí - Thương mại Lê Duyên Anh	587.400.000	-	587.400.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư EPT	200.664.000	-	-	-
Các đối tượng khác	144.341.280	-	48.924.800	-
	<b>2.670.229.280</b>	<b>-</b>	<b>2.885.324.800</b>	<b>-</b>

**6 . PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu người lao động về bảo hiểm bắt buộc	169.443.324	-	170.196.594	-
Phải thu người lao động về chi hộ tiền du lịch	70.160.000	-	-	-
Tạm ứng	51.631.977	-	25.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	60.000.000	-	60.000.000	-
Phải thu khác	1.036.193	-	290.021	-
	<b>352.271.494</b>	<b>-</b>	<b>255.486.615</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**7 . NỢ XẤU**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty CP Sản xuất thép kết cấu và Xây dựng Thành Trung	136.505.633	-	136.505.633	-
- Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Việt Thắng	37.775.320	-	37.775.320	-
	<b>174.280.953</b>	<b>-</b>	<b>174.280.953</b>	<b>-</b>

**8 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	33.042.032.356	-	35.275.574.037	-
Công cụ, dụng cụ	1.007.465.588	-	957.147.582	-
Thành phẩm	-	-	39.563.725.971	-
	<b>34.049.497.944</b>	<b>-</b>	<b>75.796.447.590</b>	<b>-</b>

## 9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	164.411.326.048	896.554.428.606	197.305.440.949	192.296.320	1.258.463.491.923
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>164.411.326.048</b>	<b>896.554.428.606</b>	<b>197.305.440.949</b>	<b>192.296.320</b>	<b>1.258.463.491.923</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	52.051.237.083	333.384.037.818	53.445.260.477	155.773.307	439.036.308.685
- Khấu hao trong kỳ	3.525.618.423	20.264.321.455	4.597.555.120	4.159.998	28.391.654.996
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>55.576.855.506</b>	<b>353.648.359.273</b>	<b>58.042.815.597</b>	<b>159.933.305</b>	<b>467.427.963.681</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	112.360.088.965	563.170.390.788	143.860.180.472	36.523.013	819.427.183.238
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>108.834.470.542</b>	<b>542.906.069.333</b>	<b>139.262.625.352</b>	<b>32.363.015</b>	<b>791.035.528.242</b>

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 790.097.843.957 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.177.619.468 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Toàn bộ tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính với nguyên giá và khấu hao lũy kế tại thời điểm 30/06/2022 lần lượt là 246.000.000 đồng và 213.347.400 đồng. Khấu hao trong kỳ là 13.061.038 đồng.

**11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Phụ tùng thay thế, vật tư sửa chữa thường xuyên và công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.374.815.834	3.093.627.707
Chi phí mua bảo hiểm	84.752.917	451.520.419
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	268.551.310	225.367.500
	<b>2.728.120.061</b>	<b>3.770.515.626</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Phụ tùng thay thế, vật tư sửa chữa thường xuyên xuất dùng	5.385.598.753	2.886.148.566
Vật liệu phụ phục vụ sản xuất	20.376.773.641	23.507.297.638
	<b>25.762.372.394</b>	<b>26.393.446.204</b>

**12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	159.104.328.980	159.104.328.980	534.370.253.967	534.370.253.967
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ xăng dầu Đình Vũ	5.093.857.155	5.093.857.155	7.724.751.411	7.724.751.411
Phải trả các đối tượng khác	3.853.901.685	3.853.901.685	12.697.014.705	12.697.014.705
	<b>168.052.087.820</b>	<b>168.052.087.820</b>	<b>554.792.020.083</b>	<b>554.792.020.083</b>
<b>b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
	<b>159.104.328.980</b>	<b>159.104.328.980</b>	<b>534.370.253.967</b>	<b>534.370.253.967</b>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	9.832.727.446	7.845.299.364	-	1.987.428.082
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.624.087.770	1.482.334.403	1.624.087.770	-	1.482.334.403
Thuế Thu nhập cá nhân	-	1.000.000	76.667.667	77.667.667	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	256.609.360	82.245.154	-	174.364.206
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	-	<b>1.625.087.770</b>	<b>11.651.338.876</b>	<b>9.632.299.955</b>	-	<b>3.644.126.691</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	452.186.699	524.038.545
- Chi phí phải trả khác	16.011.603	10.234.616
	<b>468.198.302</b>	<b>534.273.161</b>

**15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	96.618.579	96.980.824
- Lãi chậm thanh toán	2.890.287.341	2.834.593.677
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	203.925.612	196.430.179
	<b>3.190.831.532</b>	<b>3.128.004.680</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**16 . CÁC KHOẢN VAY**

	01/01/2022		Trong kỳ		30/06/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>228.542.235.129</b>	<b>228.542.235.129</b>	<b>358.480.589.554</b>	<b>344.271.974.852</b>	<b>242.750.849.831</b>	<b>242.750.849.831</b>
- Vay ngắn hạn ngân hàng	228.542.235.129	228.542.235.129	358.480.589.554	344.271.974.852	242.750.849.831	242.750.849.831
- Vay ngắn hạn Ngân hàng...	-	-	-	-	-	-
<b>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>70.000.000.000</b>	<b>70.000.000.000</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>70.000.000.000</b>	<b>70.000.000.000</b>
- Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	70.000.000.000	70.000.000.000	35.000.000.000	35.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả ...	-	-	-	-	-	-
	<b>298.542.235.129</b>	<b>298.542.235.129</b>	<b>393.480.589.554</b>	<b>379.271.974.852</b>	<b>312.750.849.831</b>	<b>312.750.849.831</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Vay dài hạn ngân hàng	268.223.287.057	268.223.287.057	-	35.000.000.000	233.223.287.057	233.223.287.057
- Trái phiếu thường	-	-	-	-	-	-
- Nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
	<b>268.223.287.057</b>	<b>268.223.287.057</b>	<b>-</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>233.223.287.057</b>	<b>233.223.287.057</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(70.000.000.000)	(70.000.000.000)	(35.000.000.000)	(35.000.000.000)	(70.000.000.000)	(70.000.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<b>198.223.287.057</b>	<b>198.223.287.057</b>			<b>163.223.287.057</b>	<b>163.223.287.057</b>

Thông tin bổ sung về các khoản vay được trình bày tại Phụ lục số 01 và Phụ lục số 02.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**17 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

Khoản dự phòng phải trả là khoản dự phòng về chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí sử dụng kết cấu hạ tầng của Công ty.

**18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối (đã điều chỉnh)	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	508.000.001.467	(227.835.798.620)	280.164.202.847
Lãi trong kỳ trước	-	5.819.933.183	5.819.933.183
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>508.000.001.467</b>	<b>(222.015.865.437)</b>	<b>285.984.136.030</b>
Số dư đầu năm nay	508.000.001.467	(218.926.849.774)	289.073.151.693
Lãi trong kỳ này	-	1.069.307.273	1.069.307.273
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>508.000.001.467</b>	<b>(217.857.542.501)</b>	<b>290.142.458.966</b>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	93,68%	475.876.533.387	93,68%	475.876.533.387
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Nam	4,77%	24.208.538.080	4,77%	24.208.538.080
Các cổ đông khác	1,55%	7.914.930.000	1,55%	7.914.930.000
	<b>100%</b>	<b>508.000.001.467</b>	<b>100%</b>	<b>508.000.001.467</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	508.000.001.467	508.000.001.467
- Vốn góp đầu kỳ	508.000.001.467	508.000.001.467
- Vốn góp cuối kỳ	508.000.001.467	508.000.001.467

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.800.000	50.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	50.800.000	50.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.800.000	50.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.800.000	50.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.800.000	50.800.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Nguyên tại phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên để sử dụng với mục đích làm cơ sở sản xuất, kinh doanh. Thời hạn thuê đất là 49 năm, từ năm 2008 đến năm 2057. Diện tích khu đất thuê là: 53.133,9 m<sup>2</sup>. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**b) Tài sản nhận giữ hộ**

	30/06/2022	01/01/2022
- Phôi nhận gửi (tấn)	38.895,558	25.157,228
- Thép nhận gửi (tấn)	11.321,320	39.843,822

**20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	3.143.355.382.963	3.137.083.238.450
	<b><u>3.143.355.382.963</u></b>	<b><u>3.137.083.238.450</u></b>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)	<b><u>3.143.146.784.963</u></b>	<b><u>3.032.777.382.795</u></b>

**21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
Giá vốn của hàng đã bán	3.114.618.442.491	3.097.379.427.844
	<b><u>3.114.618.442.491</u></b>	<b><u>3.097.379.427.844</u></b>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)	<b><u>2.912.756.117.967</u></b>	<b><u>2.838.206.738.255</u></b>

**22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.930.486	2.744.681
	<b><u>2.930.486</u></b>	<b><u>2.744.681</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	19.898.593.528	24.909.857.209
Lãi ứng trước tiền gia công, lãi mua hàng trả chậm	55.693.664	90.402.357
	<b>19.954.287.192</b>	<b>25.000.259.566</b>

**24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.690.172	5.414.906
Chi phí dịch vụ mua ngoài	70.118.500	84.354.426
Chi phí khác bằng tiền	54.215.000	7.950.000
	<b>129.023.672</b>	<b>97.719.332</b>

**25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	399.314.741	262.350.723
Chi phí nhân công	2.629.148.367	2.904.265.168
Chi phí khấu hao tài sản cố định	549.303.700	546.060.687
Thuế, phí, lệ phí	135.063.499	127.545.862
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.041.595.491	835.745.588
Chi phí khác bằng tiền	1.893.969.410	1.440.131.109
	<b>6.648.395.208</b>	<b>6.116.099.137</b>

**26 . THU NHẬP KHÁC**

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
Thép phế thu hồi trên mặt bằng nhà máy	-	112.500.000
Tiền bảo hiểm rủi ro tài sản máy biến áp	427.277.049	-
Tiền thuê đất được giảm 30% theo quyết định 2878/QĐ-CTTNG ngày 31/12/2021	74.727.517	-
Thu nhập khác	41.472.224	36.094.231
	<b>543.476.790</b>	<b>148.594.231</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**27 . CHI PHÍ KHÁC**

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
Các khoản bị phạt	-	50.904.672
Chi phí khác	-	10.264.625
	<b>-</b>	<b>61.169.297</b>

**28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.551.641.676	8.579.902.186
Các khoản điều chỉnh tăng	4.860.030.339	5.219.942.829
- Chi phí không hợp lệ	4.860.030.339	5.219.942.829
Thu nhập chịu thuế TNDN	7.411.672.015	13.799.845.015
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>1.482.334.403</b>	<b>2.759.969.003</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	1.624.087.770	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(1.624.087.770)	(320.000.000)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>1.482.334.403</b>	<b>2.439.969.003</b>

**29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	1.069.307.273	5.819.933.183
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.069.307.273	5.819.933.183
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	50.800.000	50.800.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>21</b>	<b>115</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.020.369.586.214	3.036.581.616.533
Chi phí nhân công	18.785.569.723	20.390.992.879
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.404.716.034	32.523.991.455
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.079.804.614	8.888.072.683
Chi phí khác bằng tiền	5.192.458.815	4.830.077.388
	<b><u>3.081.832.135.400</u></b>	<b><u>3.103.214.750.938</u></b>

**31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền	3.369.619.862	-	3.595.815.784	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	91.948.391.119	(174.280.953)	419.827.147.253	(174.280.953)
	<b><u>95.318.010.981</u></b>	<b><u>(174.280.953)</u></b>	<b><u>423.422.963.037</u></b>	<b><u>(174.280.953)</u></b>

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	475.974.136.888	496.765.522.186
Phải trả người bán, phải trả khác	171.242.919.352	557.920.024.763
Chi phí phải trả	468.198.302	534.273.161
	<b><u>647.685.254.542</u></b>	<b><u>1.055.219.820.110</u></b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2022</b>				
Tiền	3.369.619.862	-	-	3.369.619.862
Phải thu khách hàng, phải thu khác	91.774.110.166	-	-	91.774.110.166
	<b>95.143.730.028</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>95.143.730.028</b>
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>				
Tiền	3.595.815.784	-	-	3.595.815.784
Phải thu khách hàng, phải thu khác	419.652.866.300	-	-	419.652.866.300
	<b>423.248.682.084</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>423.248.682.084</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2022</b>				
Vay và nợ	312.750.849.831	163.223.287.057	-	475.974.136.888
Phải trả người bán, phải trả khác	171.242.919.352	-	-	171.242.919.352
Chi phí phải trả	468.198.302	-	-	468.198.302
	<b>484.461.967.485</b>	<b>163.223.287.057</b>	<b>-</b>	<b>647.685.254.542</b>
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>				
Vay và nợ	298.542.235.129	198.223.287.057	-	496.765.522.186
Phải trả người bán, phải trả khác	557.920.024.763	-	-	557.920.024.763
Chi phí phải trả	534.273.161	-	-	534.273.161
	<b>856.996.533.053</b>	<b>198.223.287.057</b>	<b>-</b>	<b>1.055.219.820.110</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có giao dịch hoặc số dư với Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Công ty mẹ

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>	<b>3.143.146.784.963</b>	<b>3.032.777.382.795</b>
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	3.143.146.784.963	3.032.777.382.795
<b>Mua hàng</b>	<b>2.912.756.117.967</b>	<b>2.838.206.738.255</b>
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	2.912.756.117.967	2.838.206.738.255

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>91.421.838.672</b>	<b>419.397.379.685</b>
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	91.421.838.672	419.397.379.685
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>159.104.328.980</b>	<b>534.370.253.967</b>
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	159.104.328.980	534.370.253.967

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Mối quan hệ	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
		VND	VND
Ông Hoàng Danh Sơn	Chủ tịch HĐQT	38.700.000	36.700.000
Ông Trần Tuấn	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	203.508.888	200.425.159
Ông Phạm Thế Dũng	Thành viên HĐQT, P. Tổng Giám đốc (*)		157.621.767
Ông Phan Đình Hạnh	Phó Tổng Giám đốc (*)		162.673.767
Ông Nguyễn Đức Lợi	Phó Tổng Giám đốc (**)	159.621.873	

(\*) Miễn nhiệm trong năm 2021.

(\*\*) Bỏ nhiệm từ tháng 09 năm 2021.

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

**34 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC soát xét.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021. Theo đó số liệu so sánh của Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính kỳ trước	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch	Ghi chú
		VND	VND	VND	
<b>a) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh</b>					
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	3.134.663.857.360	3.137.083.238.450	2.419.381.090	(1)
- Giá vốn hàng bán	11	3.097.119.908.479	3.097.379.427.844	259.519.365	(1)
- Thu nhập khác	31	2.567.975.321	148.594.231	(2.419.381.090)	(1)
- Chi phí khác	32	320.688.662	61.169.297	(259.519.365)	(1)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trên Báo cáo tài chính kỳ trước</u> VND	<u>Số liệu điều chỉnh lại</u> VND	<u>Chênh lệch</u> VND	<u>Ghi chú</u>
<b>a) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh (tiếp)</b>					
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	2.889.560.707	2.759.969.003	(129.591.704)	(1)
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	5.690.341.479	5.819.933.183	129.591.704	(1)
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	70	112	115	3	(1)
<b>b) Thuyết minh Báo cáo tài chính</b>					
<i>Thuyết minh số 18. Vốn chủ sở hữu, mục a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu, chi tiết: Chi tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối"</i>					
+ Số dư đầu năm		(228.183.993.877)	(227.835.798.620)	348.195.257	(2)
+ Số dư cuối kỳ trước		(222.493.652.398)	(222.015.865.437)	477.786.961	(1), (2)

**Ghi chú:**

(1): Công ty thực hiện phân loại lại thu nhập, chi phí của hoạt động bán xi bunn, vảy cán từ hoạt động khác sang hoạt động sản xuất kinh doanh chính với giá trị thu nhập và chi phí trong 06 tháng đầu năm 2021 lần lượt là 2.419.381.090 VND và 259.519.365 VND; chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tương ứng điều chỉnh giảm số tiền 129.591.704 VND.

(2): Điều chỉnh do ảnh hưởng của việc điều chỉnh theo Biên bản kiểm tra năm 2020 của Kiểm toán nhà nước đã được trình bày chi tiết trên báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.

Nguyễn Thị Huệ  
Người lập

Nguyễn Thị Minh Châu  
Kế toán trưởng



Trần Tuấn  
Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 09 tháng 08 năm 2022



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**PHỤ LỤC 01 : THÔNG TIN VỀ CÁC KHOẢN VAY NGẮN HẠN**

Đơn vị tính: VND

STT	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Lãi suất (năm)	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2022	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
<b>I</b>	<b>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên</b>						
1	HĐ vay ngắn hạn số 26.01/2021/2573181/HĐTD	21/02/2022	6,5%	5 tháng	5.642.071.792	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
2	HĐ vay ngắn hạn số 27.01/2021/2573181/HĐTD	25/02/2022	6,5%	5 tháng	6.010.911.949	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
3	HĐ vay ngắn hạn số 28.01/2021/2573181/HĐTD	28/02/2022	6,5%	5 tháng	3.499.889.999	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
4	HĐ vay ngắn hạn số 29.01/2021/2573181/HĐTD	14/03/2022	6,5%	5 tháng	4.948.064.307	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
5	HĐ vay ngắn hạn số 30.01/2021/2573181/HĐTD	15/03/2022	6,5%	5 tháng	4.625.737.703	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
6	HĐ vay ngắn hạn số 31.01/2021/2573181/HĐTD	23/03/2022	6,5%	5 tháng	8.072.217.584	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
7	HĐ vay ngắn hạn số 32.01/2021/2573181/HĐTD	25/03/2022	6,5%	5 tháng	10.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
8	HĐ vay ngắn hạn số 33.01/2021/2573181/HĐTD	30/03/2022	6,5%	5 tháng	5.237.847.585	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
9	HĐ vay ngắn hạn số 34.01/2021/2573181/HĐTD	06/04/2022	6,5%	5 tháng	3.580.160.230	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
10	HĐ vay ngắn hạn số 35.01/2021/2573181/HĐTD	15/04/2022	6,5%	5 tháng	7.391.099.676	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
11	HĐ vay ngắn hạn số 36.01/2021/2573181/HĐTD	20/04/2022	6,5%	5 tháng	5.590.102.952	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
12	HĐ vay ngắn hạn số 37.01/2021/2573181/HĐTD	29/04/2022	6,5%	5 tháng	10.630.385.755	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
13	HĐ vay ngắn hạn số 38.01/2021/2573181/HĐTD	13/05/2022	6,5%	5 tháng	2.786.866.779	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
14	HĐ vay ngắn hạn số 39.01/2021/2573181/HĐTD	16/05/2022	6,5%	5 tháng	1.781.965.044	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
15	HĐ vay ngắn hạn số 40.01/2021/2573181/HĐTD	19/05/2022	6,5%	5 tháng	2.966.393.988	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
16	HĐ vay ngắn hạn số 41.01/2021/2573181/HĐTD	25/05/2022	6,5%	5 tháng	16.651.403.814	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
17	HĐ vay ngắn hạn số 42.01/2021/2573181/HĐTD	26/05/2022	6,5%	5 tháng	24.595.777.671	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
18	HĐ vay ngắn hạn số 43.01/2021/2573181/HĐTD	31/05/2022	6,5%	5 tháng	5.450.977.884	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
19	HĐ vay ngắn hạn số 44.01/2021/2573181/HĐTD	07/06/2022	6,5%	5 tháng	15.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
20	HĐ vay ngắn hạn số 45.01/2021/2573181/HĐTD	08/06/2022	6,5%	5 tháng	20.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
21	HĐ vay ngắn hạn số 46.01/2021/2573181/HĐTD	13/06/2022	6,5%	5 tháng	23.001.165.278	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp

## PHỤ LỤC 01 : THÔNG TIN VỀ CÁC KHOẢN VAY NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

STT	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Lãi suất (năm)	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2022	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
22	HĐ vay ngắn hạn số 47.01/2021/2573181/HĐTD	17/06/2022	6,5%	5 tháng	21.670.929.468	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
23	HĐ vay ngắn hạn số 48.01/2021/2573181/HĐTD	20/06/2022	6,5%	5 tháng	22.468.633.675	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
24	HĐ vay ngắn hạn số 49.01/2021/2573181/HĐTD	23/06/2022	6,5%	5 tháng	6.570.191.756	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
25	HĐ vay ngắn hạn số 50.01/2021/2573181/HĐTD	24/06/2022	6,5%	5 tháng	844.037.639	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
26	HĐ vay ngắn hạn số 51.01/2021/2573181/HĐTD	29/06/2022	6,5%	5 tháng	3.734.017.303	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
	<b>Tổng cộng</b>				<b>242.750.849.831</b>		

Ghi chú: Tổng hạn mức các hợp đồng tín dụng nêu trên là 250.000.000.000 VND.

## PHỤ LỤC 2 : THÔNG TIN VỀ CÁC KHOẢN VAY DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

Ngân hàng - Số hợp đồng	Mục đích khoản vay	Thời hạn (tháng)	Lãi suất (năm)	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2022	Số dư đến hạn trả trong 12 tháng	Phương thức đảm bảo (*)
<b>Ngân hàng TMCP BIDV - Chi nhánh Thái Nguyên</b>				<b>101.615.376.210</b>	<b>30.499.000.000</b>	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	9,80%	101.615.376.210	30.499.000.000	Tài sản thế chấp
<b>Ngân hàng TMCP BIDV - Chi nhánh Tuyên Quang</b>				<b>45.921.668.697</b>	<b>13.783.000.000</b>	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	9,80%	45.921.668.697	13.783.000.000	Tài sản thế chấp
<b>Ngân hàng TMCP BIDV - Chi nhánh Đông Đô (HN)</b>				<b>30.598.897.579</b>	<b>9.184.000.000</b>	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	9,80%	30.598.897.579	9.184.000.000	Tài sản thế chấp
<b>Ngân Hàng NN&amp;PT Nông thôn CN Thái Nguyên</b>				<b>24.488.446.993</b>	<b>7.350.000.000</b>	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	9,80%	24.488.446.993	7.350.000.000	Tài sản thế chấp
<b>Ngân hàng TMCP Công thương - CN Lưu xá (TN)</b>				<b>15.299.448.789</b>	<b>4.592.000.000</b>	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	9,80%	15.299.448.789	4.592.000.000	Tài sản thế chấp
<b>Ngân hàng TMCP Công thương - CN Thái Nguyên</b>				<b>15.299.448.789</b>	<b>4.592.000.000</b>	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	9,80%	15.299.448.789	4.592.000.000	Tài sản thế chấp
	<b>Tổng cộng</b>			<b>233.223.287.057</b>	<b>70.000.000.000</b>	

(\*): Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

